

TRÒ CHUYỆN VỚI NGHỆ SĨ TIM OTTO ROTH (12.10.2017)



Ngài Wilfried Eckstein (Viện Trưởng Viện Goethe Hà Nội):

Khái niệm “artistic research” (nghiên cứu nghệ thuật) với anh có nghĩa là gì?

Tiến sĩ Tim Otto Roth:

“Nghiên cứu nghệ thuật” là một cụm từ tương đối thời thượng. Nhưng nếu chốt lại, nghệ thuật luôn mang theo yếu tố nghiên cứu; ngài chỉ cần nhìn về quá khứ xa xưa, từ thời Leonardo da Vinci. Hay ở những bức họa thời kỳ Ba-rốc: yếu tố nghiên cứu ở đây là làm sao để diễn giải không gian trong một bức họa, làm sao để căn chỉnh với ánh sáng theo phương thức mới. Vậy nên với tôi, đó là một trạng thái nơi công nghệ và nghệ thuật tương tác với nhau cùng lúc.

Tất nhiên, không phải mọi tác phẩm nghệ thuật đều cần đến nhân tố nghiên cứu khoa học. Vấn đề cần diễn giải ở đây là mối quan hệ giữa khoa học và nghệ thuật. Hai bên có rất nhiều điểm chung, nhưng cũng có cả những khác biệt căn bản. Đầu tiên, tất cả những nhà khoa học và nghệ sĩ đặt ra những câu hỏi khác nhau, dùng những phương pháp tiếp cận cũng như vật liệu khác nhau. Quay lại vấn đề những câu hỏi: trong khoa học, người ta đặt ra những câu hỏi có tiềm năng để trả lời thỏa đáng, nhưng với nghệ thuật, không phải lúc nào cũng tìm thấy câu trả lời. Nếu một nhà khoa học đặt ra câu hỏi mà chẳng thể có nổi câu trả lời, anh ta sẽ không nhận được tài trợ. Đó chính là điểm khác biệt với nghệ thuật. Trọng tâm ở đây như sau: hỏi những câu hỏi không có câu trả lời thực sự có lợi, điều này giúp chúng ta khám phá được giới hạn của

bản thân khi phân tích mọi thứ. Kết luận chung: đưa ra những câu hỏi như vậy là một trong những công việc của người nghệ sỹ

Liên quan đến vấn đề phương pháp: khoa học thường sử dụng chữ viết, đồ họa phẳng và ảnh để diễn giải. Nghệ thuật có sự hỗ trợ của một lượng lớn các phương tiện truyền thông. Và cuối cùng, cốt lõi của khát vọng nghệ thuật là vừa lý thuyết hóa, vừa chống lại lý thuyết hóa. Nghệ thuật cần khai mở những lý thuyết, những đồ thị, những mẫu giúp nhấn mạnh nhận thức của chúng ta về thế giới. Nhưng chúng ta không thể loại bỏ chúng, chỉ thay đổi những lý thuyết ấy mà thôi.

Ngài Eckstein:

Tim, anh hiện tại có lưu trú ở Viện Nghiên Cứu về Gene và Sinh Học Tế Bào Phân Tử Max Planck và làm dự án với Đài Thiên Văn Nam Âu, ESA, NASA. Anh có liên hệ với những nhà vật lý và thiên văn. Anh có nói chuyện với họ về những tác phẩm trưng bày trong triển lãm tại Viện Goethe không?

Tiến sĩ Roth:

Tôi rất hứng thú với những concepts cũ kỹ. Từ hàng thế kỷ nay, vấn đề của nghệ thuật luôn là: những concepts của một bức ảnh hay màu sắc. Nhưng hôm nay tôi tìm thấy những bước nhảy vọt trong lĩnh vực khoa học thay vì ở nghệ thuật. Ví dụ, trong lĩnh vực thiên văn học, nguyên tắc giúp phát triển những concepts rất tinh tế trong phân tích màu sắc và hình ảnh.

Ngài Eckstein:

Mối quan hệ giữa anh và vật lý là như thế nào? Có phải là một cuộc chơi để anh khám phá lĩnh vực này?

Tiến sĩ Roth:

Lý do tại sao tôi đưa vật lý vào sáng tác nghệ thuật thực ra rất rõ ràng: tôi thấy những gì xuất hiện trong đời sống con người nói chung đều dựa trên nền tảng vật lý. Không phải theo lối hiểu kiểu học giả, mà theo cách bình dị hơn nhiều. Chẳng hạn khi trẻ em bắt đầu hiểu về ảnh, chúng học về một lối diễn giải hình học về mặt phẳng như một hình thức mô tả không gian. Hay khi chúng ta nghe nhạc: chúng phân biệt các quãng thông qua cường độ âm thanh khác biệt.

Cho nên nếu tôi nói về vật lý, đó không phải là vật lý theo kiểu hàn lâm. Không phải là những công thức hay định lý. Nó là cái gì đó căn bản hơn chạm tới đời sống của mọi người. Đó là lý do tại sao tôi quyết liệt dẫn thân vào vật lý nghệ thuật, bởi đơn giản trong hầu hết các lĩnh vực nghệ thuật đương đại đều thiếu đi bóng dáng của nó. Ở đây còn bao hàm một khía cạnh khác nữa: trong tiếng Đức chúng tôi có một từ rất hay là “physisch” – mang nghĩa là tiếp xúc cơ học, tác động trực tiếp lên cơ thể người. Trải nghiệm về mặt cơ học này là nền tảng của tác

phẩm sắp đặt âm thanh “Deep Doppler”. Ở đây, vật lý giúp kết nối các tác phẩm nghệ thuật với cơ thể con người.



Ngài Eckstein:

Khi tôi nghe âm thanh của *aura calculata*, tôi nghĩ đến Johann Sebastian Bach. Đó là một sản phẩm nhạc số đúng không? Anh soạn ra nó bằng cách nào?

Tiến sĩ Roth:

So sánh với Bach cũng hợp lý bởi ông ấy là một nhà soạn nhạc dựa trên concept và số học, ứng dụng những kỹ thuật soạn nhạc mang quy ước rất chặt chẽ. Mặc dù vậy, *aura calculata* nghe không giống Bach, vì rất nhiều lý do. Đầu tiên, tôi không làm việc với những thang âm quy chuẩn. Nếu ngài nghe những quãng âm ngưng nghỉ, ngài sẽ hơi lẫn lộn, theo cách nào đó âm thanh hơi khác. Đó không phải là một thang âm chuẩn. Đó không phải là một thang âm theo kiểu Việt Nam với 5 âm giai truyền thống hay một thang âm kiểu Phương Tây với 12 âm giai. Âm thanh trình diễn bắt đầu bằng một thang âm rất đặc biệt được phát triển bởi Bohlen và Pierce. Đây là một hệ thống thang âm đặc biệt, gần giống quãng tám (octave). Quãng tám là nền tảng của việc gộp đôi tần số. Nhưng trong thang âm Bohlen-Pierce, thang âm quãng tám này biến mất, bởi âm giai căn bản ở đây giúp gộp ba tần số, tức là tỉ lệ 3:1. Sau đó, trong bản phối tôi có chuyển sang thang âm 17 nốt – được phát kiến bởi nhà soạn nhạc người Nga Ivan Wyschnegradsky vào năm 1934. Đây cũng chính là thang âm tôi dùng cho tác phẩm *Deep Doppler*. Kể cả vào thời của Bach, những thang âm không dựa trên hệ thống 12 nốt cũng đã được biết tới. Tôi cũng đang chơi với thang âm của nhà toán học và thiên văn Hà Lan Christian Huygens và nhà toán học Đức Nicholas Mercator. Nhà soạn nhạc thời kỳ Baroque chẳng hạn cũng đã nghĩ tới việc dùng thang âm 53 nốt của Mercator để tạo chiều sâu cho hợp âm.

Ngài Eckstein:

Tôi muốn quay lại với ba tác phẩm treo tường ở lối vào. Anh có thể diễn giải qua về chúng được không?

Tiến sĩ Roth:

Để hiểu về ba tác phẩm phun sơn màu đó, chúng ta có thể diễn giải một quá trình chuyển đổi từ nghe sang nhìn. Có một điểm khác biệt căn bản giữa lắng nghe âm thanh và ngắm nhìn màu sắc giúp chúng ta hiểu rằng nhận dạng màu của chúng ta rất hạn chế: khi nghe nhạc, chúng ta có thể thực sự phân biệt những tần số riêng rẽ trong một tổng phổ âm thanh, trong khi đó mắt người lại chỉ nhận biết được ba màu cơ bản. Dưới góc độ nhân chủng, khả năng nhận biết màu bằng mắt người vẫn rất nguyên thủy.

Ngài Eckstein:

Tôi muốn nhắc tới chủ nghĩa lãng mạn. Trong nghệ thuật, chủ nghĩa lãng mạn thường liên kết với Prô-mê-tê, vị á thần từng mang lửa từ đỉnh Olympơ đến cho loài người. Vị thần này đã trở thành một ẩn dụ cho tính sáng tạo của loài người. Nghệ sỹ thường được xem như thiên tài. Vậy sáng tạo với anh là gì? Cội nguồn sáng tạo nghệ thuật ngày nay là gì?

Tiến sĩ Roth:

Ngài có thể bắt gặp ý niệm về Prô-mê-tê trong kiến trúc, khi người ta thách thức các vị thần bằng việc xây những tòa nhà chọc trời. Nhưng ngài sẽ chẳng thể tìm thấy hình tượng này trong nghệ thuật nữa đâu.

Tôi nghĩ vào thời đại của chúng ta, nhà triết học Do Thái Vilém Flusser đã đưa ra một khái niệm rất hay về chủ thể hiện đại. Trong những bài viết gần đây, ông ấy nhìn nhận con người dưới góc độ cá nhân – anh ta liên hệ với thế giới ra sao, ý niệm tự thân đằng sau nó là thế nào. Trên hết, ông ấy phản bác ý niệm về một chủ thể. Với ông, cá nhân còn hơn cả một nút thắt của mạng lưới quan hệ. Điều này dẫn đến bối cảnh tôi định vị những tác phẩm của mình. Tôi tìm đến hàng loạt bối cảnh và thu thập những ý tưởng mới. Và những tác phẩm xuất hiện ở đây là một trong những mối liên hệ tôi tạo ra.

Ngài Eckstein:

Anh có thể nói vài điều về tác phẩm sắp đặt âm thanh gọi nhiều cảm hứng “Deep Doppler” được không? Ý tưởng đằng sau nó là gì?

Tiến sĩ Roth:

Deep Doppler là một phiên bản khác của tác phẩm sắp đặt âm thanh ngoài trời “Heaven’s carousel” (“Đu quay thiên đường”). Heaven’s Carousel vốn là một nhiệm vụ ủy thác từ phía Hubble Space Telescope vào năm 2014. Tác phẩm có cấu trúc của một đu quay, với 36 loa phát sáng treo trên 12 dây kìm và quay trên đầu khách tham quan với tốc độ hoàn chỉnh trong vòng bán kính 15m. Những loa ống phát âm thanh đơn và ý tưởng ở đây là sử dụng không gian làm công cụ khuếch đại. Sóng âm bị nén hoặc nới phụ thuộc vào hoạt động của hệ thống loa, hoạt động của mỗi loa lại phụ thuộc vào vận hành của những loa bên cạnh. Hiện tượng này được gọi là Hiệu ứng Doppler, âm thanh phát ra thay đổi tương đối với vị trí của người nghe.

Deep Doppler là một phiên bản loa bass hạ âm của Heaven’s Carousel. Tác phẩm này quay chậm hơn, nên Hiệu Ứng Doppler không phải lúc nào cũng rõ nét, bên cạnh đó còn có sự xuất hiện của hiệu ứng khác: sóng âm phát ra chịu ảnh hưởng bởi phản âm dội ra từ các bức tường. Hiệu ứng này nhận biết rất rõ thông qua việc ném hai hòn đá xuống ao. Những sóng nước tạo ra sẽ đi theo hai hướng: hai đầu ngọn sóng tạo ra chuyển động cao hơn, hay một đầu sóng tương tác với mặt nước tạo ra những dị biệt.

Ngài Eckstein:

Anh có thể nói gì về tác phẩm “aura calculata” ?

Tiến sĩ Roth:

Ở tác phẩm sắp đặt âm thanh „aura calculata”, âm thanh được khuếch tán từ (loa ống) phát sáng, gắn trên khung dạng vòng. Hoạt động của mô hình cũng như âm lượng sóng bị chi phối bởi một nguyên tắc tự vận hành đơn giản: mỗi loa ống đơn lẻ đều gắng phản ứng tương thích với hai loa lắp bên cạnh – kiểu nguyên tắc tạo ra „làn sóng La Ola” thường thấy ở sân vận động.

Cơ chế ẩn đằng sau, giúp quân bình hoạt động của toàn bộ các loa ống lắp trên hệ thống, theo cách nào đó có thể được mô tả như một hiệu ứng tương tác xã hội theo kiểu toán học. Chỉ cần những loa bên cạnh vận hành khác đi, sự tương tác sẽ tạo ra những phiên bản âm thanh mang cấu trúc không gian-thời gian khác nhau: một tiếng dao động, một thanh âm quen thuộc, hay đơn giản chỉ là tiếng ồn ào vọng ra.

Ngài Eckstein:

Tôi hơi thắc mắc với khái niệm Tương Tác Xã Hội Toán Học được đưa ra nhằm diễn giải tác phẩm aura calculata. Ý nghĩa sâu xa ẩn sau khái niệm này là gì?

Tiến sĩ Roth:

“aura calculata” là một phép thử cho nguyên tắc căn bản của chủ nghĩa xã hội: khái niệm về sự công bằng. Trong thực tế, bạn không thể nào đạt được những điều kiện bình đẳng như vậy, nhưng ở môi trường toán học thì có. Đó cũng chính là những gì đang diễn ra ở tác phẩm aura calculata. Mỗi người tham gia đều phản ứng tương thích 100% với những gì mà người bên cạnh đã làm. Nhưng thú vị ở chỗ, nếu bạn quan sát hành vi của cả một hệ thống tổng thể, nơi mỗi thành viên có bên ngoài có vẻ rất giống nhau, nhưng thực ra lại hoàn toàn khác biệt.